

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 3 - Năm học : 2017-2018

Môn học : Quản trị học - 1104004

Mã lớp học phần: 110400401

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Hoa - (04014)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký		Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1710110019	Võ Thị Ngọc Ánh	19/12/1999		7,0	Bay	C19KT	
2	1710100055	Huỳnh Thị Thúy Duy	12/11/1999		7,0	Bay	C19QT2	
3	1710100064	Huỳnh Thị Yến Duy	12/11/1999		7,5	Bay, sườn	C19QT2	
4	1710100048	Ngô Hải Dương	28/10/1999		7,0	Bay	C19QT2	
5	1710100042	Nguyễn Khắc Dương	27/12/1999		8,0	Tam	C19QT2	
6	1710110008	Bùi Thu Hà	20/06/1999		8,0	Tam	C19KT	
7	1710100054	Hồ Thúy Hằng	21/09/1999		7,0	Bay	C19QT2	
8	1710100051	Nguyễn Thị Hằng	25/02/1998		7,0	Bay	C19QT2	
9	1710100046	Nguyễn Ngọc Hiền	12/04/1996				C16QT	
10	1710110012	Trần Thị Thu Hiền	18/04/1999		8,0	Tam	C19KT	
11	1710100002	Phạm Minh Hiếu	21/08/1992		8,0	Tam	C19QT2	
12	1710100052	Trần Thị Lan Hương	15/01/1999		6,5	sau sườn	C19QT2	
13	1710110003	Phạm Thị Huyền	07/01/1999		8,0	Tam	C19KT	
14	1710110015	Nguyễn Thị Diễm Hương	22/07/1999		8,0	Tam	C19KT	
15	1710100041	Nguyễn Minh Kha	06/09/1999		8,0	Tam	C19QT2	
16	1710100067	Nguyễn Văn Khiêm	19/05/1999		7,5	Bay sườn	C19QT2	
17	1710100047	Nguyễn Minh Khoa	29/03/1999		7,0	Bay	C19QT2	
18	1710110001	Bùi Đặng Phương Linh	09/12/1997		8,0	Tam	C19KT	
19	1710110002	Hồ Yến Linh	11/05/1999		7,0	Bay	C19KT	
20	1710100069	Võ Thị Thùy Linh	07/10/1999		6,5	sau sườn	C19QT2	
21	1710100065	Trần Thị Phụng Mai	20/04/1996		7,5	Bay sườn	C19QT2	
22	1710100046	Nguyễn Ngọc Minh	24/10/1999		7,0	Bay	C19QT2	
23	1710100061	Nguyễn Thị Kiều My	07/11/1996		7,5	Bay sườn	C19QT2	
24	1710100062	Nguyễn Trọng Nghĩa	16/03/1999		7,5	Bay sườn	C19QT2	
25	1710100066	Trần Hải Ngọc	04/07/1999		6,5	sau sườn	C19QT2	
26	1710100057	Võ Thị Hồng Nhi	01/01/1998		7,0	Bay	C19QT2	
27	1710100070	Trần Thị Như	16/07/1999		6,5	sau sườn	C19QT2	
28	1710110004	Hồ Ngọc Phượng	25/11/1999		7,0	Bay	C19KT	
29	1710110010	Đặng Thị Thúy Quyên	26/03/1998		7,0	Bay	C19KT	
30	1710110011	Lê Thị Phương Thảo	11/02/1999		7,0	Bay	C19KT	
31	1710100045	Trần Thị Hồng Thắm	01/06/1999		6,5	sau sườn	C19QT2	
32	1710110006	Đặng Kim Thuy	28/05/1999		7,0	Bay	C19KT	
33	1710100044	Nguyễn Thị Kiều Trang	07/10/1999		8,0	Tam	C19QT2	
34	1710110005	Nguyễn Ngọc Mai Trinh	06/05/1999		7,0	Bay	C19KT	

	Họ và tên	Trình	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1710100071	Nguyễn Thị Kim	Trình	07/07/1999		8,5	Tam Kỳ	C19QT2
1710100043	Trần Minh	Trí	13/12/1999				C19QT2
37 1710110026	Dương Thị Ánh	Trúc	12/10/1999		7,0	Kỳ	C19KT
38 1710110022	Nguyễn Thị Lan	Trường	05/12/1999		7,0	Kỳ	C19KT
39 1710100053	Trần Văn	Tuấn	12/06/1998		7,0	Bảy	C19QT2
40 1710100060	Lê Trần Cát	Tường	20/04/1999		7,0	Bảy	C19QT2
41 1710110007	Phan Trần Tường	Vi	21/11/1999		7,0	Bảy	C19KT
42 1710100058	Dương Thị Thúy	Vy	18/03/1998		7,0	Bảy	C19QT2
43 1710100008	Nguyễn Thị Thùy	Vy	25/10/1999		8,0	Tam	C19QT2
44 1710100059	Trần Thị Mai	Xinh	27/07/1997				C19QT2
45 1710100063	Hồ Thị Như	Ý	04/08/1999				C19QT2

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi: 41 vắng thi: 4 Số bài thi: 41 / 41.

Số sinh viên đạt/không đạt: / Tỷ lệ đạt: %

Ngày 26 tháng 6 năm 2018

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)



Trần Thị Kim Ánh

Ngày 26 tháng 6 năm 2018

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2017-2018

Môn học : Quản trị học - 1104004

Mã lớp học phần: 110400401

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Hoa - (04014)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký		Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1710110019	Võ Thị Ngọc Ánh	19/12/1999	<i>ace</i>	7.0	baý	C19KT	
2	1710100055	Huỳnh Thị Thúy Duy	12/11/1999	<i>the</i>	6.0	sau	C19QT2	
3	1710100064	Huỳnh Thị Yến Duy	12/11/1999	<i>yan</i>	7.5	baý nưõ	C19QT2	
4	1710100048	Ngô Hải Dương	28/10/1999	<i>ho</i>	7.0	baý	C19QT2	
5	1710100042	Nguyễn Khắc Dương	27/12/1999	<i>duon</i>	6.5	Tam nưõ	C19QT2	
6	1710110008	Bùi Thu Hà	20/06/1999	<i>ha</i>	6.5	sau nưõ	C19KT	
7	1710100054	Hồ Thúy Hằng	21/09/1999	<i>haly</i>	6.0	sau	C19QT2	
8	1710100051	Nguyễn Thị Hằng	25/02/1998	<i>hany</i>	8.5	Tam nưõ	C19QT2	
9	1710100046	Nguyễn Ngọc Hiền	12/04/1996				C16QT	
10	1710110012	Trần Thị Thu Hiền	18/04/1999	<i>sun</i>	7.0	baý	C19KT	
11	1710100002	Phạm Minh Hiếu	21/08/1992	<i>huu</i>	9.0	chín	C19QT2	
12	1710100052	Trần Thị Lan Hương	15/01/1999	<i>lan</i>	7.5	baý nưõ	C19QT2	
13	1710110003	Phạm Thị Huyền	07/01/1999	<i>huynh</i>	7.0	baý	C19KT	
14	1710110015	Nguyễn Thị Diễm Hương	22/07/1999	<i>diem</i>	9.0	chín	C19KT	
15	1710100041	Nguyễn Minh Kha	06/09/1999	<i>ka</i>	7.0	baý	C19QT2	
16	1710100067	Nguyễn Văn Khiêm	19/05/1999	<i>ku</i>	7.0	baý	C19QT2	
17	1710100047	Nguyễn Minh Khoa	29/03/1999	<i>ka</i>	6.5	sau nưõ	C19QT2	
18	1710110001	Bùi Đặng Phương Linh	09/12/1997	<i>phat</i>	8.5	Tam nưõ	C19KT	
19	1710110002	Hồ Yến Linh	11/05/1999	<i>ly</i>	7.0	baý	C19KT	
20	1710100069	Võ Thị Thùy Linh	07/10/1999	<i>thuy</i>	7.0	baý	C19QT2	
21	1710100065	Trần Thị Phụng Mai	20/04/1996	<i>mai</i>	8.0	Tam	C19QT2	
22	1710100046	Nguyễn Ngọc Minh	24/10/1999	<i>minh</i>	9.0	chín	C19QT2	
23	1710100061	Nguyễn Thị Kiều My	07/11/1996	<i>my</i>	1.0	Nưõ	C19QT2	
24	1710100062	Nguyễn Trọng Nghĩa	16/03/1999	<i>nghe</i>	9.5	chín nưõ	C19QT2	
25	1710100066	Trần Hai Ngọc	04/07/1999	<i>ha</i>	9.0	chín	C19QT2	
26	1710100057	Võ Thị Hồng Nhi	01/01/1998	<i>nhi</i>	7.5	baý nưõ	C19QT2	
27	1710100070	Trần Thị Như	16/07/1999	<i>nhu</i>	8.5	Tam nưõ	C19QT2	
28	1710110004	Hồ Ngọc Phượng	25/11/1999	<i>phat</i>	6.5	sau nưõ	C19KT	
29	1710110010	Đặng Thị Thúy Uyên	26/03/1998	<i>thuy</i>	8.0	Tam	C19KT	
30	1710110011	Lê Thị Phương Thảo	11/02/1999	<i>thao</i>	9.0	chín	C19KT	
31	1710100045	Trần Thị Hồng Thắm	01/06/1999	<i>tham</i>	7.0	baý	C19QT2	
32	1710110006	Đặng Kim Thụy	28/05/1999	<i>thuy</i>	8.0	Tam	C19KT	
33	1710100044	Nguyễn Thị Kiều Trang	07/10/1999	<i>trang</i>	8.5	Tam nưõ	C19QT2	
34	1710110005	Nguyễn Ngọc Mai Trinh	06/05/1999	<i>tru</i>	6.0	sau	C19KT	

CD BC CÔNG NGHỆ VÀ QTĐN
PHÒNG
THI VÀ KIỂM ĐỊNH

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 3 - Năm học : 2017-2018

Môn học : Quản trị học - 1104004

Mã lớp học phần: 110400401

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Hoa

Ngày thi: 25/07/2018

Giờ thi: 09h30

Phòng thi: A1.11

Giám thị 1: N. V. Duy Ký tên: [Signature]

Giám thị 2: A. N. V. S. Ký tên: [Signature]

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ánh	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1710110019	Võ Thị Ngọc	Ánh	19/12/1999	<u>[Signature]</u>		7,5	Bảy năm	C19KT	
2	1710100055	Huỳnh Thị Thúy	Duy	12/11/1999	<u>[Signature]</u>		6,5	Sáu năm	C19QT2	Nợ HP
3	1710100064	Huỳnh Thị Yến	Duy	12/11/1999	<u>[Signature]</u>		7,0	Bảy	C19QT2	Nợ HP
4	1710100048	Ngô Hai	Dương	28/10/1999	<u>[Signature]</u>		7,0	Bảy	C19QT2	
5	1710100042	Nguyễn Khắc	Dương	27/12/1999	<u>[Signature]</u>		6,0	Sáu	C19QT2	
6	1710110008	Bùi Thu	Hà	20/06/1999	<u>[Signature]</u>		6,0	Sáu	C19KT	
7	1710100054	Hồ Thúy	Hằng	21/09/1999	<u>[Signature]</u>		6,0	Sáu	C19QT2	Nợ HP
8	1710100051	Nguyễn Thị	Hằng	25/02/1998	<u>[Signature]</u>		7,5	Bảy năm	C19QT2	
9	1410100046	Nguyễn Ngọc	Hiền	12/04/1996					C16QT	Nợ HP
10	1710110012	Trần Thị Thu	Hiền	18/04/1999	<u>[Signature]</u>		7,5	Bảy năm	C19KT	
11	1710100002	Phạm Minh	Hiếu	21/08/1992	<u>[Signature]</u>		7,5	Bảy năm	C19QT2	
12	1710100052	Trần Thị Lan	Hương	15/01/1999	<u>[Signature]</u>		8,0	Tám	C19QT2	Nợ HP
13	1710110003	Phạm Thị	Huyền	07/01/1999	<u>[Signature]</u>		6,0	Sáu	C19KT	
14	1710110015	Nguyễn Thị Diễm	Hương	22/07/1999	<u>[Signature]</u>		8,0	Tám	C19KT	
15	1710100041	Nguyễn Minh	Kha	06/09/1999	<u>[Signature]</u>		7,5	Bảy năm	C19QT2	
16	1710100067	Nguyễn Văn	Khiêm	19/05/1999	<u>[Signature]</u>		6,5	Sáu năm	C19QT2	
17	1710100047	Nguyễn Minh	Khoa	29/03/1999	<u>[Signature]</u>		7,5	Bảy năm	C19QT2	
18	1710110001	Bùi Đặng Phương	Linh	09/12/1997	<u>[Signature]</u>		7,0	Bảy	C19KT	
19	1710110002	Hồ Yến	Linh	11/05/1999	<u>[Signature]</u>		8,0	Tám	C19KT	
20	1710100069	Võ Thị Thùy	Linh	07/10/1999	<u>[Signature]</u>		6,0	Sáu	C19QT2	
21	1710100065	Trần Thị Phụng	Mai	20/04/1996	<u>[Signature]</u>		7,0	Bảy	C19QT2	
22	1710100046	Nguyễn Ngọc	Minh	24/10/1999	<u>[Signature]</u>		6,5	Sáu năm	C19QT2	
23	1710100061	Nguyễn Thị Kiều	My	07/11/1996	<u>[Signature]</u>		9,0	Chín	C19QT2	
24	1710100062	Nguyễn Trọng	Nghĩa	16/03/1999	<u>[Signature]</u>		7,5	Bảy năm	C19QT2	
25	1710100066	Trần Hải	Ngọc	04/07/1999	<u>[Signature]</u>		6,0	Sáu	C19QT2	
26	1710100057	Võ Thị Hồng	Nhi	01/01/1998	<u>[Signature]</u>		8,0	Tám	C19QT2	Nợ HP
27	1710100070	Trần Thị	Như	16/07/1999	<u>[Signature]</u>		8,0	Tám	C19QT2	
28	1710110004	Hồ Ngọc	Phượng	25/11/1999	<u>[Signature]</u>		6,5	Sáu năm	C19KT	
29	1710110010	Đặng Thị Thúy	Quyên	26/03/1998	<u>[Signature]</u>		6,0	Sáu	C19KT	
30	1710110011	Lê Thị Phương	Thảo	11/02/1999	<u>[Signature]</u>		7,5	Bảy năm	C19KT	
31	1710100045	Trần Thị Hồng	Thắm	01/06/1999	<u>[Signature]</u>		7,0	Bảy	C19QT2	
32	1710110006	Đặng Kim	Thuy	28/05/1999	<u>[Signature]</u>		7,0	Bảy	C19KT	

SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1710100044	Nguyễn Thị Kiều Trang	07/10/1999			7,0	Bảy	C19QT2	
1710110005	Nguyễn Ngọc Mai Trinh	06/05/1999			7,5	Bảy rưỡi	C19KT	
35 1710100071	Nguyễn Thị Kim Trinh	07/07/1999			8,0	Tám	C19QT2	
36 1710110026	Dương Thị Ánh Trúc	12/10/1999			8,0	Tám	C19KT	
37 1710110022	Nguyễn Thị Lan Trường	05/12/1999					C19KT	Nợ HP
38 1710100053	Trần Văn Tuấn	12/06/1998			6,0	Sáu	C19QT2	Nợ HP
39 1710100060	Lê Trần Cát Tường	20/04/1999			5,0	Năm	C19QT2	Nợ HP
40 1710110007	Phan Trần Tường Vi	21/11/1999			7,0	Bảy	C19KT	
41 1710100058	Dương Thị Thúy Vy	18/03/1998			7,0	Bảy	C19QT2	
42 1710100008	Nguyễn Thị Thùy Vy	25/10/1999			7,0	Bảy	C19QT2	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 40 vắng thi: 02 Số bài thi/Số tờ: 40 / 40.

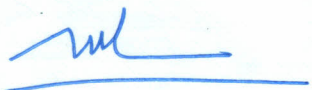
Số sinh viên đạt: 40 Tỷ lệ đạt: 100 %

Ngày 6 tháng 8 năm 2018

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)




Trần Thị Kim Ánh

Ngày 06 tháng 8 năm 2018

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Trần Thị Hòa